

Số: /BC-VHXXH

Gia Nghĩa, ngày 10 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2026 của phòng Văn hóa – Xã hội

Kính gửi:

- UBND phường Nam Gia Nghĩa;
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND phường Nam Gia Nghĩa, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của UBND phường Nam Gia Nghĩa, về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng năm 2026;

Căn cứ các Quyết định bổ sung kinh phí năm 2026;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2026;

Phòng Văn hóa – Xã hội báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2026:

1. Nội dung công khai

Theo Mẫu biểu số 75 ban hành kèm theo 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính kèm theo.

2. Hình thức công khai: Công khai trên trang thông tin điện tử phường Nam Gia Nghĩa (<http://namgianghia.lamdong.gov.vn>); hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND phường Nam Gia Nghĩa. (<https://qlvb.lamdong.gov.vn>).

3. Thời điểm công khai: Từ ngày 10 tháng 7/2026

II. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2026:

1. Số thu phí lệ phí: Trong 6 tháng đầu năm 2026 phòng Văn hóa – Xã hội thu phí thẩm định cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số tiền: 1.750.000 đồng trong đó: Trích nộp ngân sách nhà nước 30% tương ứng số tiền 525.000 đồng, được để lại sử dụng 1.225.000 đồng.

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước

2.1. Chi quản lý hành chính

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ:

- + Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- + Kinh phí giao đầu năm: 3.010.468.000 đồng
- + Kinh phí bổ sung trong 6 tháng đầu năm: 0 đồng
- + Kinh phí được sử dụng trong năm: 3.010.468.000 đồng
- + Tổng kinh phí đã sử dụng trong 6 tháng đầu năm 2026: 1.426.425.748 đồng đạt tỷ lệ 47,38% so với dự toán cấp.

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ:

- + Kinh phí năm trước chuyển sang: 30.048.332 đồng
- + Kinh phí giao đầu năm: 2.472.669.000 đồng
- + Kinh phí bổ sung trong 6 tháng đầu năm: 950.656.000 đồng
- + Kinh phí được sử dụng trong năm: 3.453.373.332 đồng
- + Tổng kinh phí đã sử dụng trong 6 tháng đầu năm 2026: 1.616.421.744 đồng đạt tỷ lệ 46,81% so với dự toán cấp.

2.2. Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- + Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- + Kinh phí giao đầu năm: 784.000.000 đồng
- + Kinh phí bổ sung trong 6 tháng đầu năm: 0 đồng
- + Kinh phí được sử dụng trong năm: 784.000.000 đồng
- + Tổng kinh phí đã sử dụng trong 6 tháng đầu năm 2026: 30.000.000 đồng đạt tỷ lệ 3,83% so với dự toán cấp.

2.3. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo

- + Kinh phí năm trước chuyển sang: 142.892.300 đồng
- + Kinh phí giao đầu năm: 1.207.800.000 đồng

- + Kinh phí bổ sung trong 6 tháng đầu năm: 11.520.000 đồng
- + Kinh phí được sử dụng trong năm: 1.362.212.300 đồng
- + Tổng kinh phí đã sử dụng trong 6 tháng đầu năm: 156.566.000 đồng đạt tỷ lệ 11,46% so với dự toán cấp.

2.4. Chi bảo đảm xã hội

- + Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- + Kinh phí giao đầu năm: 5.138.400.000 đồng
- + Kinh phí bổ sung trong 6 tháng đầu năm: 4.665.363.600 đồng
- + Kinh phí được sử dụng trong 6 tháng đầu năm: 9.803.763.600 đồng
- + Tổng kinh phí đã sử dụng trong 6 tháng đầu năm: 3.980.525.900 đồng đạt tỷ lệ 40,60% so với dự toán cấp.

Trên đây là Báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2026 của phòng Văn hóa – Xã hội phường Nam Gia Nghĩa.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT phường (c/k);
- Công chức VHXXH (th/h);
- Lưu: VT (lq).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Trần Thị Thứ

Mẫu biểu số 75

Đơn vị: Phòng Văn hóa - Xã hội phường Nam Gia Nghĩa**Chương: 832****CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 (06 THÁNG)***(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)*

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Phòng Văn hóa - Xã hội phường Nam Gia Nghĩa công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 (06 tháng) như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí		1,750		
1	Lệ phí				
2	Phí		1,750		
	Phí thẩm định cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm lĩnh vực y tế		1,750		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		0,525		

1	Lệ phí				
2	Phí		0,525		
	Phí thẩm định cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm lĩnh vực y tế		0,525		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính	6.463,841332	3.042,847492	94,19	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	3.010,468	1.426,425748	47,38	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	3.453,373332	1.616,421744	46,81	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	784	30	3,83	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>	724	0	3,83	
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>	60	30	50	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	1.362,2123	156,166	11,46	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.362,2123	156,166	11,46	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				

4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	9.803,7636	3.980,525900	40,60	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.803,7636	3.980,5225900	40,60	
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				

4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				

6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				